

Số: 273 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước
được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 166 bổ sung 2**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 83 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 166 bổ sung 2, cụ thể:

1. Danh mục 77 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD-...-20 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 02 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD3-...-20 và hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

3. Danh mục 02 thuốc đóng gói thứ cấp trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 03 năm (*Phụ lục III kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu DG3-...-20 và hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

4. Danh mục 02 thuốc sản xuất gia công trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục IV kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu GC-...-20 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều

143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Cập nhật nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

5. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với các thuốc thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này (số giấy đăng ký lưu hành có ký hiệu VD3-.....-20).

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- PTTg. Vũ Đức Đam – Bí thư BCSD (đề b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCTTra, Website;
- Lưu: VT, ĐKT(15b).

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC I. DANH MỤC 77 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ
LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 166 BỔ SUNG 2

Ban hành kèm theo Quyết định số: 273./QĐ-QLD, ngày 15/...6/...2020

1. Công ty đăng ký: Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam Sơn
(Đ/c: Gian E22-E23 - Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế - 134/1 Tô Hiến Thành - Phường 15 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

1.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Simguline 10 caps	Montelukast (dưới dạng montelukast natri) 10mg	Viên nang cứng (Đỏ-Trắng)	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vi x 10 viên; Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	VD-33982-20

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed. (Đ/c: 263/9 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

2.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed (Đ/c: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Apigel-Plus	Mỗi ml chứa: Nhôm hydroxyd 80mg ; Magnesi hydroxyd 80mg ; Simethicon 8mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói x 10ml	VD-33983-20
3	Ursopa	Mỗi ml chứa: Ursodeoxycholic acid 50mg/ml	Hỗn dịch uống	36 tháng	USP 41 + TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói x 5ml; Hộp 10 gói, 20 gói x 10ml; Hộp 1 chai 60ml, 100ml	VD-33984-20

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Danapha (Đ/c: 253 - Dũng Sĩ Thanh Khê - Quận Thanh Khê - Tp. Đà Nẵng - Việt Nam)

3.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Danapha (Đ/c: 253 - Dũng Sĩ Thanh Khê - Quận Thanh Khê - Tp. Đà Nẵng - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Danavin	Mỗi 2ml chứa: Vinpocetin 10mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 ống x 2ml	VD-33985-20

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Khoa (Đ/c: Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội - Việt Nam)

4.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Khoa (Đ/c: Lô đất III-1.3, đường D3, KCN Quế Võ 2, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	Aladka-beta	Betamethason natri phosphat 15 mg; Neomycin (dưới dạng Neomycin sulfat) 52.500 IU	Dung dịch thuốc xịt mũi	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ xịt 15 ml	VD-33986-20

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược mỹ phẩm Bảo An (Đ/c: Số 2/115, ngõ 2, đường Định Công Thượng, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)

5.1 Nhà sản xuất: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Abamotic	Mỗi gói 0,5g chứa Mosaprid citrat (dưới dạng mosaprid citrat hydrat) 5mg	Bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	JP 17	Hộp 30 gói x 0,5g	VD-33987-20

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược mỹ phẩm Bảo An (Đ/c: Số 2/115, ngõ 2, đường Định Công Thượng, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)

6.1 Nhà sản xuất: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Anbaliv	Silymarin 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi, 06 vi, 09 vi x 10 viên	VD-33988-20

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam (Đ/c: Số 19, đường 18, Khu phố 3, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

7.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam (Đ/c: Số 19, đường 18, Khu phố 3, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	NP Meninlove	Cao khô hỗn hợp dược liệu 630 mg tương với các dược liệu: Thục địa 1,778 g; Đương quy 1,333 g; Xuyên khung 0,889 g; Bạch thược 1,333 g; Hoàng kỳ 1,778 g; Đảng sâm 1,778 g; Phục linh 1,778 g; Bạch truật 1,778 g; Cam thảo 0,667 g; Quế nhục 0,444 g	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	VD-33989-20

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

8.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Caditon	Mỗi 1ml chứa: Atenolol 5mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Ống 5ml, 10ml. Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống, 40 ống, 50	VD-33990-20

						ống. Lọ 100ml, 150ml, 300ml. Hộp 1 lọ	
10	Detoxiron	Mỗi 1 ml chứa: Deferipron 100mg	Dung dịch uống	30 tháng	TCCS	5ml/ống nhựa, 5 ống nhựa/vi. Hộp 2 vi, 4 vi, 6 vi, 8 vi. 10ml/ống nhựa, 5 ống nhựa/vi. Hộp 2 vi, 4 vi, 8 vi. 5ml/gói. Hộp 5, 10, 20, 30, 40, 50 gói. 10ml/gói. Hộp 5, 10, 20, 30, 40, 50 gói. Hộp 1 lọ 30ml. Hộp 1 lọ 60ml. Hộp 1 lọ 250ml	VD-33991-20
11	Kalira	Mỗi gói 5g chứa: Calci polystyren sulfonat 5000mg	Bột pha hỗn dịch	48 tháng	TCCS	Hộp 10, 20, 50 gói x 5g	VD-33992-20

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: 10A - Quang Trung - Hà Đông - TP. Hà Nội - Việt Nam)

9.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Livernin-DH	Mỗi 5ml chứa: Arginin hydroclorid 500 mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống x 5ml	VD-33993-20

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm (Đ/c: Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

10.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc (Đ/c: Lô B15/I-B16/I đường 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	Pharmox IMP 500mg	Amoxicilin (dưới	Viên nén	24	USP	Hộp 2 vi x 7	VD-33994-20

		dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	phân tán	tháng	41	viên	
--	--	--	----------	-------	----	------	--

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà (Đ/c: 74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà - Việt Nam)

11.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà (Đ/c: Đường 2 tháng 4, Khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hoà, TP. Nha Trang, Khánh Hoà - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	Dexchlorpheniramin Blue	Dexchlorpheniramin e maleate 2mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 10 vi x 15 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên, 1.000 viên	VD-33995-20

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm (Đ/c: Lô số 12 Đường số 8, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)

12.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm (Đ/c: Lô số 12 Đường số 8, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
15	Usarcobal	Mecobalamin 500 mcg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	VD-33996-20

13. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông (Đ/c: Lô 7, Đường 2, KCN. Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

13.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông (Đ/c: Lô 7, đường số 2, KCN. Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
16	Phudskin 10 mg	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat) 10mg	Viên nén	36 tháng	ĐĐVN IV	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên; Chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	VD-33997-20

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm PQA (Đ/c: Thửa 99, Khu Đồng Quán, Đường 10, Xã Tân Thành, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định - Việt Nam)

14.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm PQA (Đ/c: Thửa 99, Khu Đồng Quán, Đường 10, Xã Tân Thành, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	PQA trở sữa	Mỗi 5ml siro chứa 2,5g cao hỗn hợp dược liệu tương đương: Đinh hương 1,0 g; Tai hồng 3,0 g; Đàng sâm 3,0 g; Gừng củ tươi 3,0 g	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 30 ml, 60 ml, 90 ml, 125 ml; Hộp 10 ống, 15 ống, 20 ống, 25 ống, 50 ống x 5ml; Hộp 10 ống, 15 ống, 20 ống, 25 ống, 50 ống x 10 ml	VD-33998-20

15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)

15.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	Imruvat 5	Imidapril hydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	JP XVII	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-33999-20

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát (Đ/c: Lô CN-1, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

16.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát (Đ/c: Lô CN-1, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
19	Bổ trung ích khí Vinaplant	Mỗi viên hoàn mềm 8g chứa: Hoàng kỳ 1,21g; Đàng sâm 0,36g; Cam thảo 0,36g; Bạch truật 0,24g; Đương quy 0,24g;	Hoàn mềm	24 tháng	ĐDVN IV	Hộp 10 hoàn mềm x 8g	VD-34000-20

		Thăng ma 0,36g; Sài hồ 0,36g; Trần bì 0,36g; Gừng tươi 0,15g; Đại táo 1,24g					
20	Hoàn quy tỳ Vinaplant	Mỗi hoàn mềm 8g chứa: Đảng sâm 0,31g; 230 mg cao đặc tương đương với: 432 mg Bạch linh và 432 mg Bạch truật 0,62g; Bột dược liệu: Hoàng kỳ 0,62g; Cam thảo 0,16g; Bạch linh 0,62g; Viễn chí 0,06g; Toan táo nhân 0,62g; Long nhãn 0,62g; Đương quy 0,06g; Mộc hương 0,31g; Đại táo 0,16g	Hoàn mềm	24 tháng	ĐĐVN V	Hộp 10 hoàn x 8g	VD-34001-20
21	Thập toàn đại bổ Vinaplant	Mỗi gói 3g hoàn cứng chứa: Đảng sâm 0,31g; Bạch truật 0,21g; Bạch phục linh 0,17g; Cam thảo 0,17g; Đương quy 0,21g; Xuyên khung 0,17g; Bạch thực 0,21g; Thục địa 0,31g; Hoàng kỳ 0,31g; Quế nhục 0,21g	Viên hoàn cứng	36 tháng	ĐĐVN V	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 3g, 6g, 9g	VD-34002-20

17. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 (Đ/c: Số 9 - Trần Thánh Tông - Phường Bạch Đằng - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội - Việt Nam)

17.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 (Đ/c: Lô 27 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
22	Bromhexin 12 mg	Bromhexin hydroclorid 12 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-34003-20

23	Enhydra 10/12.5	Enalapril maleat 10mg ; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén	36 tháng	USP 40	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-34004-20
----	-----------------	--	----------	-------------	-----------	------------------------	-------------

18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 (Đ/c: Số 16 - Lê Đại Hành - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - Tp. Hải Phòng - Việt Nam)

18.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 (Đ/c: Số 28 - Đường 351 - Xã Nam Sơn - Huyện An Dương - Tp. Hải Phòng - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Ngân kiều giải độc TW3	Liên kiều 280mg; Cao đặc dược liệu tương đương: Kim ngân 1,5g; Bồ công anh 1,0g; Liên kiều 0,44g) 400mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 02 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên	VD-34005-20

19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng - Hà Nội - Việt Nam)

19.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: Thanh Xuân, Sóc Sơn, TP. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Pharbamin 1500	Mecobalamin 1500mcg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	VD-34010-20

20. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng - Hà Nội - Việt Nam)

20.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: Thanh Xuân, Sóc Sơn, TP. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Bổ trung ích khí Trung ương 1 (NSX cao khô dược liệu: Công ty cổ phần BV Pharma; Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh)	Mỗi gói 4g chứa: Cao khô hỗn hợp dược liệu 559mg gồm: Hoàng kỳ 900mg; Đảng sâm 270mg; Cam thảo	Thuốc cốm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4g	VD-34006-20

		270mg; Bạch truật 270mg; Đương quy 180mg; Thăng ma 270mg; Trần bì 270mg; Gừng tươi 108mg; Đại táo 918mg					
27	Dongdo Newgynan	Neomycin sulfat 65.000 IU; Nystatin 100.000 IU; Metronidazol 500mg	Viên nén đặt âm đạo	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 5 viên; Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-34007-20
28	Fabafixim 100	Mỗi gói 2g chứa: Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 100mg	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	USP41	Hộp 10 gói x 2g	VD-34008-20
29	Fabapoxim 100	Mỗi gói 3g chứa: Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 3g	VD-34009-20

21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

21.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
30	Cảm xuyên hương VCP	Bột dược liệu Xuyên khung 132mg; Bạch chi 165mg; Hương phụ 132mg; Quế chi 6mg; Gừng 15mg; Cam thảo 5mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-34011-20
31	Silymarin 200mg	Cao khô Carduus marianus (tương đương silymarin 200mg) 400mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	VD-34012-20

22. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vian (Đ/c: Số 4 B3, tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội - Việt Nam)

22.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	Haspan	Cao khô lá Thường xuân 5:1 (tương đương với 150mg lá Thường xuân) 30mg	Viên ngậm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 5 vi x 10 viên, hộp 10 vi x 10 viên	VD-34013-20

23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Phúc Vinh (Đ/c: Lô CN 4-6.2 Khu Công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội - Việt Nam)

23.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Phúc Vinh (Đ/c: Lô CN 4-6.2 Khu Công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
33	Diacerein 50 mg	Diacerein 50 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	VD-34014-20

24. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược S.Pharm (Đ/c: Lô G, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng - Việt Nam)

24.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược S.Pharm (Đ/c: Lô G, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
34	Vitamin B6 250 mg	Pyridoxin hydroclorid 250 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi, 50 vi x 10 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên	VD-34015-20

25. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex (Đ/c: 358 Giải phóng, P. Phương Liệt, Thanh xuân, Hà Nội - Việt Nam)

25.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex (Đ/c: Thôn Trung Hậu, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội - Việt nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
35	Paracetamol 650mg	Paracetamol 650mg	Viên nén bao phim	60 tháng	ĐDVN IV	Hộp 10 vi x 10 viên; lọ 200 viên	VD-34016-20

26. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

26.1 Nhà sản xuất: Nhà máy HDPHARMA EU-Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương (Đ/c: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
36	Codeho	Ông 10ml chứa: Dịch chiết Bách bộ 1:1 (tương đương 5g rễ củ Bách bộ) 5ml	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 10 ống x 10ml, hộp 15 ống x 10ml, hộp 20 ống x 10ml	VD-34017-20

27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá (Đ/c: 232 Trần Phú, Thanh Hoá - Việt Nam)

27.1 Nhà sản xuất: Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa (Đ/c: Lô 4-5-6, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, Tp. Thanh Hóa - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
37	Hoạt huyết dưỡng não	Cao đặc đỉnh lăng (tương đương 1.500mg rễ đỉnh lăng) 150mg; Cao khô bạch quả 10mg	Viên nén bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vi x 20 viên, hộp 2 vi x 20 viên	VD-34018-20

28. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam (Đ/c: 273 phố Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)

28.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam (Đ/c: 192 Phố Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
38	Bari sulfat pha hỗn dịch	Một gói 110g chứa: Bari sulfat 92,7mg	Thuốc bột	36 tháng	ĐĐVN 4	Gói 110g; gói 140g. Túi 8 gói, thùng 20 túi	VD-34019-20

29. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

29.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
39	Aspirin pH8	Acid acetylsalicylic 500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vi x 10 viên; hộp 20 vi x 10 viên	VD-34020-20
40	Mekoperin 4	Perindopril erbumin 4mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vi x 30 viên	VD-34021-20
41	Vitamin B6 250mg	Pyridoxin hydrochlorid 250mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-34022-20

30. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần O2Pharm (Đ/c: 39/39 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

30.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam (Đ/c: 192 Phố Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
42	Ocehitin 10	Loratadin 10mg	Viên nén phân tán	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên, hộp 5 vi x 10 viên	VD-34023-20

31. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Pymepharco (Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hoà, Phú Yên - Việt Nam)

31.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Pymepharco (Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hoà, Phú Yên - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
43	Glipeform 500/5	Metformin hydrochlorid 500mg ; Glibenclamid 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 2 vi x 15 viên	VD-34024-20

32. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần sản phẩm thiên nhiên VINACOM (Đ/c: Số 20, 1/34/7 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

32.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tự y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
44	HPMAX	Cao khô Chè dây 280mg; Cao khô hỗn hợp (tương đương với 2,8g dược liệu bao gồm: Dạ cẩm 1,7g; Lá khô 1,1g) 238mg;	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, hộp 5 vi x 12 viên	VD-34025-20

33. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (Đ/c: Lô I-8-2, Đường D8, Khu công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TPHCM - Việt Nam)

33.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (Đ/c: Lô I-8-2, Đường D8, Khu công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TPHCM - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
45	No-spa	Drotaverine hydrochloride 40mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vi x 10 viên	VD-34026-20

34. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam (Đ/c: Lô 2A, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

34.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam (Đ/c: Lô 2A, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
46	Batitop	Clarithromycin 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 37	Hộp 1 vi, 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên; Chai 20 viên, 60 viên, 100 viên	VD-34027-20

35. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh (Đ/c: Số 4A - Lò Lu - P. Trường Thạnh - Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

35.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh (Đ/c: Số 4A - Lò Lu - P. Trường Thạnh - Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

47	Shimax-F	Mỗi 1 ml chứa: Naphazolin hydroclorid 0,2675mg; Pheniramin maleat 3,151mg	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	TCCS	Hộp 01 lọ 15ml	VD-34028-20
----	----------	--	----------------------	-------------	------	----------------	-------------

**36. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược VTYT Khải Hà (Đ/c: Số 2A, phố lý
bôn, phường Tiền Phong, Tp. Thái Bình - Việt nam)**

**36.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược VTYT Khải Hà (Đ/c: Số 2A, phố lý
bôn, phường Tiền Phong, Tp. Thái Bình - Việt Nam)**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
48	Dưỡng cốt Khải Hà	Mỗi gói 5g viên hoàn cứng chứa cao xương hỗn hợp (tương đương với xương động vật 7,5g) 0,75g; Hoàng bá 2,4g; Tri mẫu 0,3g; Trần bì 0,6g; Bạch thược 0,6g; Can khương 0,15g; Thục địa 0,6g	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói, 30 gói x 5g	VD-34029-20

**37. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần US Pharma USA (Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây
Bắc Cù Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)**

**37.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA (Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc
Cù Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
49	Topfixim 200	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat) 200mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ, 03 vỉ x 10 viên	VD-34030-20

**38. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco (Đ/c: 66-Quốc lộ 30-P. Mỹ
Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)**

**38.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco (Đ/c: 66-Quốc lộ 30-P. Mỹ
Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
50	Amoxicillin 500mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate) 500mg	Viên nang cứng (nâu - hồng)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi, 20 vi x 10 viên; Chai 100 viên, 300 viên, 500 viên; Hộp 1 chai 200 viên	VD-34031-20
51	Cefadroxil 500mg	Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat compacted) 500mg	Viên nang cứng (vàng-nâu)	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vi, 10 vi, 20 vi x 10 viên; Chai 100 viên	VD-34032-20
52	Cefalexin 250mg	Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrat) 250mg	Viên nang cứng (xanh đậm-xanh nhạt)	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vi, 10 vi, 20 vi x 10 viên; Chai 100 viên	VD-34033-20

39. Công ty đăng ký: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

39.1 Nhà sản xuất: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Dofergan	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên; Lọ 200 viên, 500 viên	VD-34034-20

40. Công ty đăng ký: Công ty liên doanh Meyer-BPC (Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre - Việt Nam)

40.1 Nhà sản xuất: Công ty liên doanh Meyer-BPC (Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
54	Am-broxol	Ambroxol hydrochlorid 30mg	Viên nén phân tán trong nước	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi, 10 vi x 10 viên	VD-34035-20
55	Meyerapagil	Magnesi aspartat tetrahydrate (tương đương Magnesi)	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi, 10 vi x 10 viên	VD-34036-20

		aspartat khan 140mg) 174,97mg; Potassium aspartate hemihydrate (tương đương kali aspartat khan 158mg) 166,3mg					
56	Meyercetam	Mỗi 1ml dung dịch chứa Piracetam 333,3mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống x 5ml; Hộp 20 ống x 10ml	VD-34037-20
57	Meyernife SR	Mỗi 60ml dung dịch chứa Piracetam 6000mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 01 chai 60ml, 120ml	VD-34038-20
58	Meyernota	Mỗi 5ml dung dịch chứa Piracetam 800mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống x 5ml; 30 ống x 5ml; Hộp 1 chai 120ml	VD-34039-20
59	Myfoscin	Fosfomycin calci (dưới dạng fosfomycin calci monohydrat) 500mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi, 10 vi x 10 viên	VD-34040-20

41. Công ty đăng ký: Công ty TNHH BRV Healthcare (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

41.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
60	Bividiac	Diacerein 50mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi (nhôm-nhôm) x 10 viên, 3 vi (nhôm-PVC) x 10 viên	VD-34041-20

42. Công ty đăng ký: Công ty TNHH BRV Healthcare (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

42.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
61	Bivige	Gemfibrozil 600mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vi, 6 vi	VD-34042-20

			bao phim	tháng		(nhôm-PVC hoặc nhôm-nhôm) x 10 viên	
62	Levoleo 750	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 768,7 mg) 750mg	Viên nén bao phim	48 tháng	TCCS	Hộp 01 vi x 10 viên	VD-34043-20
63	Livermarin 140	Silymarin (dưới dạng cao khô Silybum marianum 311,1mg) 140mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi 10 viên (vi nhôm-PVC hoặc vi nhôm-nhôm)	VD-34044-20
64	Milvit 5/50	Amilorid hydroclorid 5,0mg; Hydrochlorothiazid 50mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 1 chai x 30 viên	VD-34045-20

43. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Anh Thy (Đ/c: D7 - tổ dân phố Đình Thôn - Phường Mỹ Đình 1 - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội - Việt Nam)

43.1 Nhà sản xuất: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
65	Siro Pltkid	Mỗi 7,5ml chứa Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat 499,95mg) 65mg; Thiamin hydroclorid 1,5mg; Riboflavin natri phosphat 1,75ng; Nicotinamid 10mg; Pyridoxin hydroclorid 3mg; Vitamin B5 (Dexpanthenol) 5mg; Cholecalciferol (Vitamin D3) 200IU; Alpha tocopheryl acetat 7,5mg; Lysin	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 20 ống x 7,5ml	VD-34046-20

		hydroclorid 150mg					
--	--	-------------------	--	--	--	--	--

44. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Glomed (Đ/c: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

44.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Glomed (Đ/c: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
66	Glopotin 10	Vinpocetin 10 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vi x 15 viên; Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	VD-34047-20

45. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Hà Thành (Đ/c: Số 158, đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh trì, TP. Hà Nội - Việt Nam)

45.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm Hà Thành (Đ/c: Số 158, đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh trì, TP. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
67	Heantos 4 0,5g	500mg cao khô hỗn hợp dược liệu tương ứng với các dược liệu: Phòng đàng sâm 1,0 g; A giao 0,133 g; Mạch môn 0,333 g; Hoàng kỳ 0,333 g; Cam thảo 0,333 g; Đương quy 0,250 g; Sinh địa 0,250 g; Bình vôi 0,250 g; Gừng 0,250 g; Quế chi 0,250 g; Đại táo 0,250 g; Táo nhân 0,166 g; Viễn chí 0,166 g	Viên nang cứng	48 tháng	TCCS	Hộp 7 vi x 10 viên	VD-34048-20

46. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất (Đ/c: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Việt Nam)

46.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Nhất (Đ/c: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
68	Nhất nhất xoang	Mỗi 600ng cao hỗn hợp dược liệu tương đương với Huyền sâm 450ng; Thương nhĩ tử 450mg; Sinh địa 450mg; Mộc tặc 450mg; Cỏ nhọ nồi 420mg; Cam thảo 420mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vi, 03 vi x 10 viên; Hộp 01 lọ x 30, 60, 100 viên	VD-34049-20
69	Trĩ Nhất Nhất	Mỗi 500mg cao khô hỗn hợp dược liệu tương đương Đảng Sâm 700mg; Hoàng kỳ 700mg; Đương quy 400mg; Bạch truật 400mg; Thăng ma 400mg; Sài hồ 400mg; Trần bì 400mg; Cam thảo 200mg; Liên nhục 400mg; Ý dĩ 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vi, 03 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên, 100 viên	VD-34050-20

47. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

47.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
70	Vitamin C 500mg	Acid ascorbic (Vitamin C) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên; Chai 100 viên; Chai 500 viên	VD-34051-20

48. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM (Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

48.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM (Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
71	Fixnat 100	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vi x 10 viên; Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	VD-34052-20
72	Fixnat 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vi x 10 viên; Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	VD-34053-20
73	Mathomax gel plus	Mỗi 5ml hỗn dịch uống chứa: Nhôm hydroxyd gel khô 230mg; Magnesi hydroxyd 200mg; Simethicon (dưới dạng Simethicon nhũ tương 30%) 25mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói 5ml; Hộp 20 gói 5ml; Hộp 30 gói 5ml; Hộp 10 gói 10ml; Hộp 20 gói 10ml; Hộp 30 gói 10ml	VD-34054-20

49. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Shine Pharma (Đ/c: 3/38/40 Thành Thái, P.14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

49.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Đ/c: 521 khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
74	Invinorax 300	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-34055-20

50. Công ty đăng ký: Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera (Đ/c: Lô A17 KCN Tứ Hạ, P. Tứ Hạ, TX. Hương Trà, Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

50.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera (Đ/c: Lô A17 KCN Tứ Hạ, P. Tứ Hạ, TX. Hương Trà, Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
75	Platetica ODT	Ticagrelor 90 mg	Viên nén phân tán	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-34056-20

			trong miệng			
--	--	--	-------------	--	--	--

51. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Sun Garden Việt Nam (Đ/c: Lô A-1H-CN, KCN Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, Bình Dương - Việt Nam)

51.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Sun Garden Việt Nam (Đ/c: Lô A-1H-CN, KCN Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
76	Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazole 500mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	TCCS	Hộp 1 túi 100ml; Hộp 1 chai 100 ml	VD-34057-20

52. Công ty đăng ký: Công ty TNHH SX-TM dược phẩm N.I.C (N.I.C Pharma) (Đ/c: P8-Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế - Số 134/1 đường Tô Hiến Thành - Phường 15 - Quận 10 - Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

52.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
77	Coldnic	Guaifenesin 100mg; Cetirizin dihydrochlorid 5mg; Dextromethorphan hydrobromid 15mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 05 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; Chai 100 viên	VD-34058-20

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC II.DANH MỤC 02 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ
LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 166 BỔ SUNG 2

Ban hành kèm theo quyết định số: 273./QĐ-QLD, ngày 15.1.6.1.2020

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Đ/c: 232 Trần Phú, Thanh Hoá - Việt Nam)

1.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Đ/c: Số 04 Quang Trung, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	PRO-ARV	Tenofovir disoprosil fumarat 300mg; Lamivudin 300mg; Efavirenz 600mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 30 viên	VD3-34-20

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

2.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Fluracil 5%	Mỗi 1ml dung dịch chứa Fluorouracil 50mg	Dung dịch dùng ngoài	36 tháng	TCCS	Hộp 01 lọ 10ml	VD3-35-20

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC III.DANH MỤC 02 THUỐC ĐÓNG GÓI THỨ CẤP TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY
ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 166 BỔ SUNG 2

Ban hành kèm theo Quyết định số: 273./QĐ-QLD, ngày 15./6./2020

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi (Đ/c: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

1.1 Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.; (Đ/c: 62 Industrial Estate, Kot Lakhpat, Lohore, Pakistan)

1.2 Cơ sở đóng gói cấp 2: Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi; (Đ/c: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Pit-Stat Tablet 1 mg	Pitavastatin (dưới dạng Pitavastatin calcium 1,04 mg) 1mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vi x 10 viên	DG3-1-20
2	Pit-Stat Tablet 2 mg Pakistan)	Pitavastatin (dưới dạng Pitavastatin calcium) 2mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vi x 10 viên	DG3-2-20

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC IV.DANH MỤC 02 THUỐC SẢN XUẤT GIA CÔNG TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY
ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 166 BỔ SUNG 2

Ban hành kèm theo Quyết định số: 273./QĐ-QLD, ngày 15/6/2020

1. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Reliv Pharma (Đ/c: Số 22H1, Đường số 40, Khu dân cư Tân Quy Đông, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ chí Minh - Việt Nam)

1.1 Cơ sở đặt gia công: Công ty TNHH Reliv Pharma (Đ/c: Số 22H1, Đường số 40, Khu dân cư Tân Quy Đông, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ chí Minh - Việt Nam)

1.2 Cơ sở nhận gia công: Công ty TNHH BRV Healthcare (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 9, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Natumed	Mỗi gói 5g chứa: Ispaghula Husk (vỏ hạt khô của cây Plantago ovata, plantaginaceae) 3,25g	Thuốc bột	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói, 50 gói x 5g	GC-333-20

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm (Đ/c: Số 04 đường 30/4, phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

2.1 Cơ sở đặt gia công: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm (Đ/c: Số 04 đường 30/4, phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

2.2 Cơ sở nhận gia công: Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm (Đ/c: Đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Imetamin	Betamethason 0,25 mg; Dexclorpheniramin maleat 2 mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Chai 200 viên; Chai 500 viên	GC-334-20

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường